

Tuần 19, 22/05/2026

Phân hóa mạnh

Tiêu điểm:

- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tiếp tục tăng mạnh trong tháng 5, với lợi suất kỳ hạn 10 năm dao động quanh 4.4 – 4.6%
- Theo biên bản cuộc họp, đa số thành viên tham gia cho rằng việc “thắt chặt chính sách hơn nữa có thể trở nên phù hợp” nếu lạm phát vẫn duy trì trên mức mục tiêu 2%.
- Sau PC1, thêm chủ tịch và kế toán trưởng Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 bị khởi tố
- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước: Nhà để ở, không phải để đầu cơ.

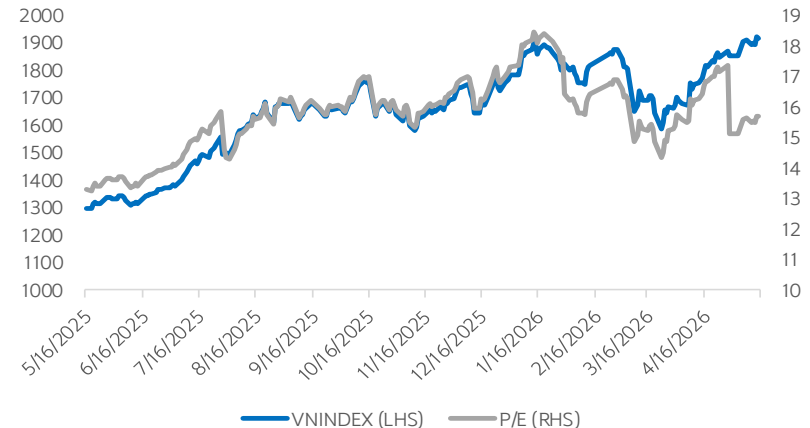
Đánh giá: Thị trường đã có nhịp điều chỉnh theo kịch bản ước tính của chúng tôi khi nhóm VIN đã có dấu hiệu tăng nóng trong thời gian qua. Dòng tiền cần thời gian để chuyển qua các nhóm khác, khiến trong ngắn hạn điều chỉnh là cần thiết. Trong tuần qua nhiều thông tin riêng lẻ của từng nhóm ngành đã khiến biến động mạnh nhưng nhìn chung không lan tỏa nhiều và tâm lý thị trường vẫn duy trì ổn định. Chúng tôi đánh giá nhiều nhóm ngành vẫn chưa tăng mở ra cơ hội mua tích lũy; trong ngắn hạn, thị trường khó bút phá khi thiếu thông tin đủ mạnh và lan tỏa, chủ yếu biến động theo các tin tức nhất định.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,877.1 điểm (-44.4 điểm; -2.31%) trên đồ thị tuần. Thị trường đã xuất hiện nhịp điều chỉnh khi nhóm VIN đã chậm lại. Khối ngoại bán ròng mạnh trong phiên thứ 6, nâng tổng giá trị cả tuần lên hơn 6,000 tỷ đồng. Kỳ vọng thị trường điều chỉnh về vùng 1,850 – 1,800 trong thời gian tới.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tập trung lựa chọn các cổ phiếu cấu trúc giá tích lũy đi ngang và KQKD tăng trưởng tốt thay vì chỉ tập trung nhìn vào biến động của chỉ số VN-Index cho vị thế trung hạn. Trong ngắn hạn, có thể tìm những cổ phiếu đã bị bán mạnh và có xu hướng phục hồi như nhóm bảo hiểm, công nghệ, bất động sản,...

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		
		1W	1M	3M	YTD		P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,877	-2.3	1.1	2.9	5.2		15.5	2.2	338
Upcom Index	126	-0.6	-2.5	-1.3	3.9		11.9	1.5	25
HNX Index	268	3.9	4.8	4.1	7.5		0.1	1.5	15
VN30 Index	2,011	-1.9	-0.7	-0.4	-1.0		13.5	2.2	250
S&P 500 Index	7,446	0.5	4.3	7.8	8.8		27.3	5.7	66,225
STOXX Europe 600 Index	624	2.7	1.6	-1.1	5.4		17.2	2.4	18,384
Hang Seng	25,606	-1.4	-2.1	-3.1	-0.1		13.2	1.3	3,817
Nikkei 225	63,339	3.1	6.3	11.5	25.8		22.8	2.9	6,258
SHCOMP Index	4,113	-0.5	0.2	0.8	3.6			1.6	9,563
STI Index	5,067	1.5	1.3	1.0	9.0		17.0	1.6	586
KOSPI Index	7,493	4.7	22.3	35.1	86.2		21.3	2.2	4,087

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

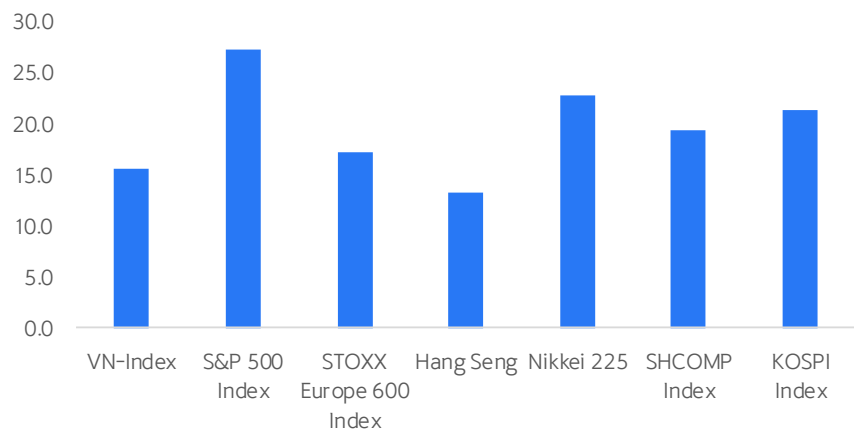
Theo vốn hóa và ngành



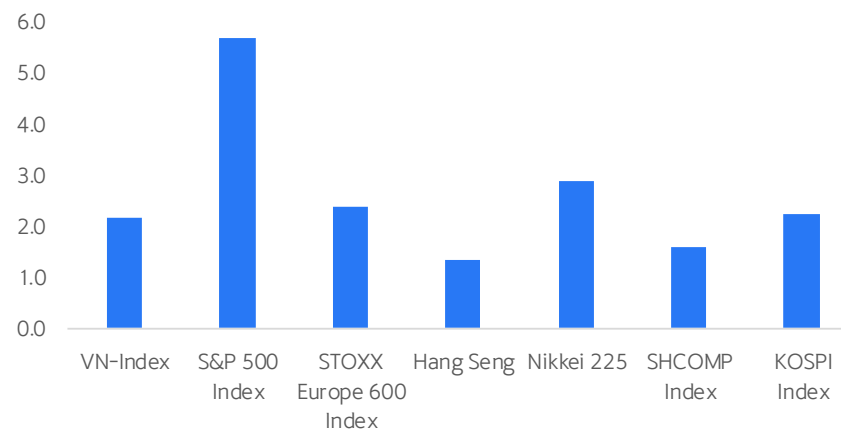
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.4	1.4	2.2	6.8	4.7	8.9	-5.3	-11.5	91.7	0.9	16.1	2.4	8,215,726
Mid Cap	-1.3	-3.4	-8.6	0.2	-5.3	-1.7	-27.1	-30.1	7.9	-0.8	10.7	1.2	537,149
Small Cap	-1.2	-2.9	-6.5	-5.2	-19.0	-29.0	-34.7	-36.1	0.4	-0.1	11.1	0.7	68,275
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bảo hiểm	5.9	0.9	-11.1	19.1	31.3	42.6	14.9	-10.4	0.4	0.1	15.7	1.9	66,174
Công nghệ Thông tin	2.7	0.3	-20.1	-20.3	46.0	47.3	4.4	0.6	4.8	1.4	13.6	2.9	142,080
Du lịch và Giải trí	2.1	2.3	-0.5	-9.6	-16.0	-12.5	0.2	-8.6	1.6	-0.4	26.7	5.0	340,915
Tài chính	-0.3	0.3	-4.7	6.9	13.1	15.2	-20.9	-22.3	12.0	1.0	16.8	1.9	524,625
Tài nguyên cơ bản	-0.5	-5.6	-4.4	1.2	-22.7	-35.7	-51.8	-50.8	3.1	-1.1	13.7	1.4	244,457
Truyền thông	-0.6	-1.0	-17.5	-13.2	21.0	6.4	-36.8	-42.4	0.0	0.0	24.6	0.9	4,320
Dược và Y tế	-0.8	-3.0	-10.1	-6.0	19.3	37.4	31.5	32.1	0.2	0.0	17.7	2.1	37,784
Ngân hàng	-0.9	1.2	-5.3	3.6	-0.3	4.3	-7.6	-19.4	24.5	-1.1	9.6	1.6	2,657,907
Xây dựng và vật liệu	-1.1	-3.9	-6.7	-2.5	2.4	8.9	3.9	8.3	6.1	-0.1	10.8	1.3	140,289
Thực phẩm và đồ uống	-1.4	-3.7	-9.7	-11.0	-1.8	-0.2	-11.9	-24.4	5.7	-0.3	16.7	3.0	596,135
Bán lẻ	-2.3	-9.5	-17.1	-6.5	32.7	32.3	-14.8	-27.2	0.9	0.2	27.7	3.1	41,531
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.4	-8.2	-14.8	-2.5	-24.3	-48.4	-62.6	-68.8	0.4	-0.1	10.2	1.6	57,786
Ô tô & Phụ tùng	-2.9	-7.5	-7.3	-0.6	-17.5	-38.7	-45.9	-39.9	0.2	-0.1	3.7	1.0	17,198
Tiện ích	-3.6	4.6	-15.5	7.1	-13.2	29.2	-14.4	-22.9	2.3	-0.5	13.9	2.1	349,043
Bất động sản	-4.4	2.5	26.4	16.1	-1.0	2.2	29.1	19.3	22.0	-1.1	6.9	3.8	2,713,398
Dầu khí	-5.1	11.3	-1.2	52.8	47.5	74.2	-7.7	-18.0	4.6	1.3	27.8	2.5	219,556
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-5.3	1.9	0.0	-0.7	12.6	34.7	7.2	10.7	7.6	0.6	16.0	2.3	262,518
Hóa chất	-5.7	2.4	-8.5	21.5	8.4	18.2	-37.5	-34.3	3.4	0.1	16.5	1.9	231,595

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	-388	-2,154	-7,375	-23,165
Indonesia	-28	494	-496	-2,443
Nhật Bản*	5,982	15,157	78,530	66,838
Maylaysia	-215	-292	-216	75
Hàn Quốc	-8,694	-25,204	-23,794	-61,624
Sri Lanka	0	-10	-26	-90
Đài Loan	-2,414	615	9,039	-9,873
Thái Lan	-113	107	27	667
Việt Nam	-114	-417	-961	-2,069

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,562	-22.2	-43.8	-153.5	-144.8
Nước ngoài	1,794	-16.3	-28.7	-138.6	-117.4
VanEck Vectors Vietnam ETF	580	0.0	18.0	-60.4	-24.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	396	-8.6	-35.8	-66.1	-90.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	392	-3.2	-5.9	-7.1	4.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	219	-4.4	-4.4	-4.4	-6.7
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	-0.5	-0.5	-0.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	768	-5.8	-15.1	-14.9	-27.3
DCVFMVN Diamond ETF	446	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	234	-3.0	-8.0	-6.1	-19.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	0.1	0.3	1.1
MAFN VN30 ETF	25	-2.7	-7.0	-9.8	-9.8
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	27	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	-0.1	-0.2	0.6	0.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

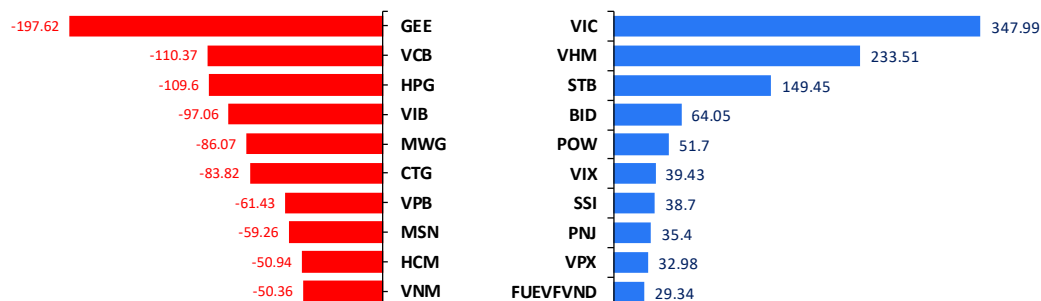
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

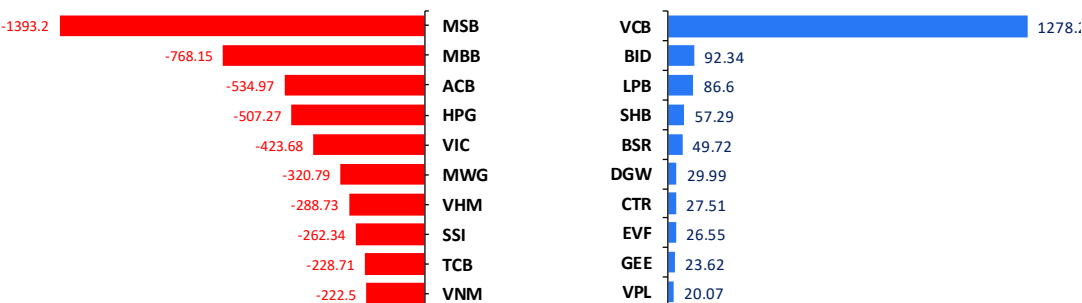
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

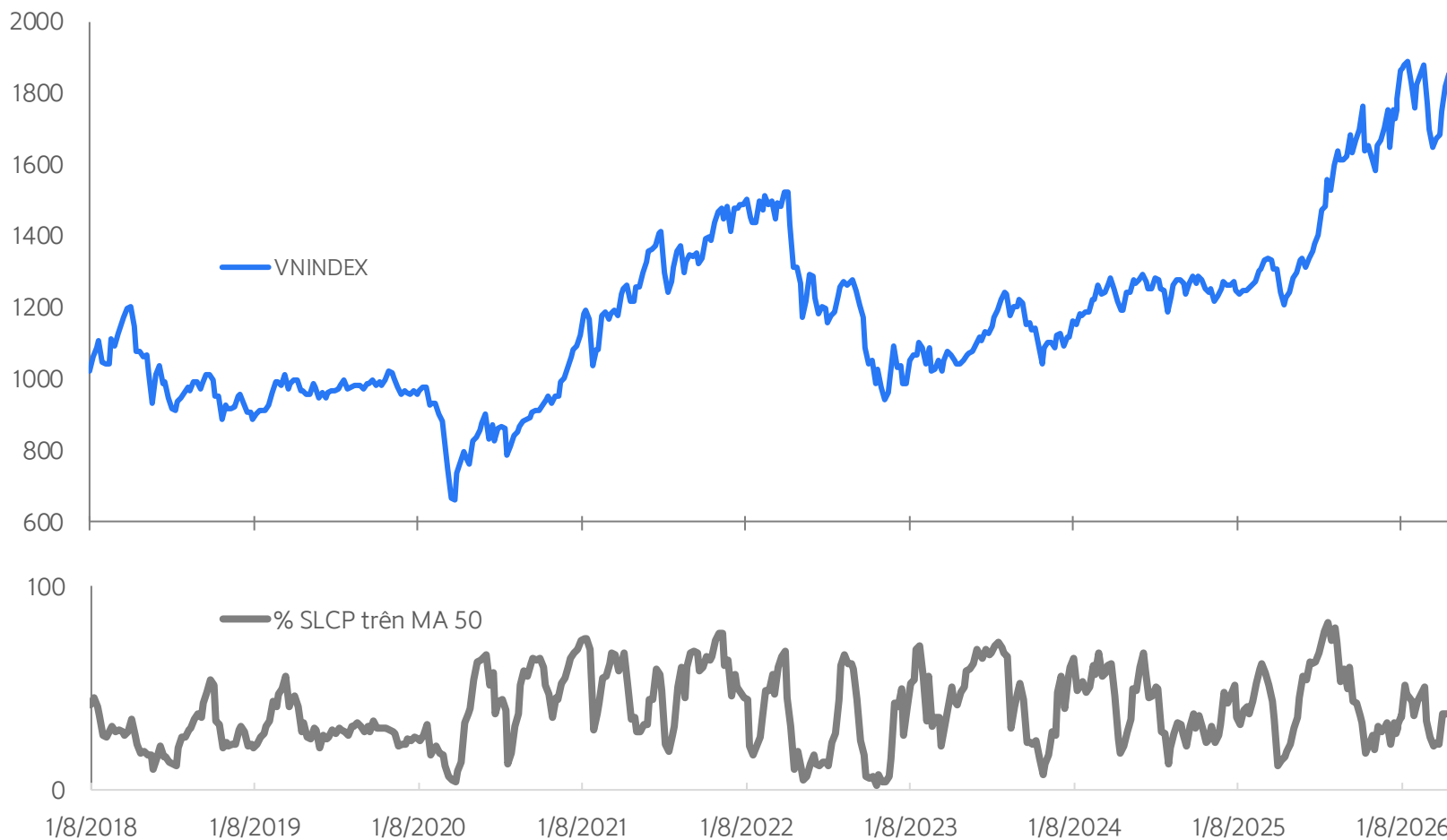
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	584	-627	-877	1,504
Tài nguyên Cơ bản	-111	-273	168	105
Truyền thông	0	-9	0	9
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-57	-66	-125	191
Y tế	0	0	-9	8
Hóa chất	1	-166	45	121
Dịch vụ tài chính	94	-360	779	-418
Du lịch và Giải trí	2	7	1,403	-1,410
Ngân hàng	-285	-292	358	-66
Xây dựng và Vật liệu	-52	-153	-83	236
Thực phẩm và đồ uống	-108	-331	-193	524
Bán lẻ	-64	-223	320	-98
Điện, nước & xăng dầu khí	38	-55	25	30
Hàng cá nhân & Gia dụng	35	-116	26	90
Công nghệ Thông tin	17	-225	207	18
Ô tô và phụ tùng	4	-35	11	24
Bảo hiểm	0	7	-41	34
Dầu khí	-12	-83	59	24
Tổng	86	-3,000	2,073	926

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	30	Weak	Weak	DXG	43	Weak	Neutral	BVH	52	Weak	Weak	HPG	39	Weak	Neutral	GEX	57	Strong	Strong
MBB	29	Weak	Weak	NVL	41	Weak	Neutral	BMI	35	Weak	Weak	NKG	47	Neutral	Neutral	VSC	29	Weak	Weak
HDB	41	Weak	Neutral	DIG	35	Weak	Weak	BIC	43	Neutral	Strong	HSG	61	Neutral	Strong	PVT	51	Neutral	Neutral
VPB	45	Neutral	Neutral	VRE	48	Weak	Strong	VIX	55	Neutral	Strong	SMC	38	Weak	Weak	GMD	38	Weak	Weak
MSB	80	Strong	Strong	PDR	39	Weak	Neutral	SSI	45	Neutral	Neutral	CII	43	Weak	Neutral	HAH	41	Weak	Neutral
TCB	42	Weak	Neutral	VIC	58	Neutral	Strong	VND	63	Strong	Strong	HHV	42	Weak	Neutral	GEE	45	Weak	Neutral
EIB	37	Weak	Weak	KDH	22	Weak	Weak	VCI	40	Weak	Weak	VCG	41	Weak	Weak	VOS	44	Neutral	Weak
ACB	46	Neutral	Neutral	VHM	56	Neutral	Strong	HCM	58	Neutral	Strong	PCI	47	Strong	Weak	APH	41	Neutral	Neutral
TPB	40	Neutral	Weak	TCH	37	Weak	Weak	TCX	51	Neutral	Neutral	FCN	44	Neutral	Neutral	VTP	47	Neutral	Neutral
STB	55	Neutral	Strong	KBC	39	Weak	Neutral	ORS	45	Neutral	Neutral	VGC	41	Neutral	Weak	SBG	66	Strong	Strong
CTG	44	Neutral	Neutral	HDG	22	Weak	Weak	VDS	39	Neutral	Weak	DPG	43	Weak	Weak	REE	40	Neutral	Weak
VIB	36	Weak	Weak	HDC	40	Weak	Neutral	FTS	50	Neutral	Neutral	CTD	40	Weak	Weak	PAC	42	Neutral	Weak
SSB	50	Neutral	Neutral	NLG	35	Weak	Weak	CTS	56	Strong	Strong	CTR	65	Strong	Strong	TV2	24	Weak	Weak
VCB	60	Strong	Strong	DXS	57	Neutral	Strong	BSI	48	Neutral	Neutral	HTI	32	Weak	Weak	TCM	45	Neutral	Neutral
NAB	67	Neutral	Strong	NTL	53	Neutral	Neutral	TCI	72	Strong	Strong	CTI	31	Weak	Weak	TLG	42	Neutral	Neutral
OCB	44	Neutral	Neutral	SIP	25	Weak	Weak	TVB	39	Neutral	Neutral	BMP	39	Weak	Neutral	PNJ	38	Weak	Weak
BID	54	Neutral	Strong	SZC	25	Weak	Weak	DSE	46	Neutral	Neutral					MSH	44	Neutral	Neutral
LPB	65	Strong	Strong	BCM	49	Neutral	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	51	Neutral	Neutral	PVD	44	Neutral	Weak	MSN	44	Neutral	Neutral	YEG	47	Neutral	Neutral	VPL	66	Strong	Strong
SAM	35	Neutral	Weak	BSR	54	Strong	Strong	VNM	41	Neutral	Neutral	DCL	42	Neutral	Weak	VJC	45	Weak	Neutral
ELC	41	Neutral	Weak	PLX	53	Strong	Neutral	DBC	31	Weak	Weak	DBD	51	Neutral	Neutral	HVN	35	Weak	Weak
CMG	49	Neutral	Neutral	POW	49	Neutral	Neutral	BAF	38	Neutral	Neutral	TNH	26	Neutral	Weak	SCS	40	Neutral	Neutral
MWG	42	Weak	Weak	NT2	32	Weak	Weak	SAB	56	Neutral	Strong	JVC	31	Weak	Weak	VNG	37	Neutral	Weak
DGW	39	Weak	Weak	GAS	53	Strong	Strong	ANV	35	Weak	Weak					HAX	30	Neutral	Weak
PET	57	Neutral	Strong	GEG	39	Neutral	Weak	VHC	42	Neutral	Neutral					DRC	29	Neutral	Weak
FRT	22	Weak	Weak	PPC	32	Neutral	Weak	MCH	37	Neutral	Weak								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	KDH	22.35	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
2	HPG	26.55	30.4	27.6	14.5%	Kì vọng KQKD Q1 tăng trưởng ấn tượng, Cổ phiếu đã quay lại xu hướng tăng nhưng cần xem xét kháng cự tâm lý vùng 28 - 29
3	HDB	25.85	30.5	27.1	18.0%	Một trong ba ngân hàng được cấp room tín dụng cao trong 2026 cùng rất nhiều câu chuyện mới. HDB đang trong cấu trúc tăng với thanh khoản cải thiện đáng kể.
4	CTD	74.4	NA	NA	NA	Cổ phiếu đã điều chỉnh về vùng giá hỗ trợ vững chắc, thanh khoản cạn.

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VNE	Xây dựng và Vật liệu	2.39 - 8.62	2.4	-19.5%
2	NHT	Hàng cá nhân & Gia dụng	9.72 - 17.75	12.7	-15.7%
3	BMP	Xây dựng và Vật liệu	121.20 - 191.00	138.0	-12.2%
4	HPA	Thực phẩm và đồ uống	33.70 - 45.00	34.0	-11.6%
5	NVL	Bất động sản	10.00 - 21.00	15.5	-10.4%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
40.0%	50.7	24.15 - 101.20	Hóa chất	HRC
22.4%	29.7	10.50 - 39.60	Dầu khí	BSR
19.7%	84.9	56.00 - 131.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	GAS
12.2%	42.0	32.50 - 70.40	Dầu khí	PLX
11.6%	67.0	44.80 - 74.70	Hóa chất	PHR

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	QST	Truyền thông	17.80 - 40.70	26.0	-33.9%
2	ICG	Xây dựng và Vật liệu	8.40 - 21.00	16.2	-16.1%
3	HEV	Truyền thông	5.90 - 21.90	5.9	-15.7%
4	VC6	Xây dựng và Vật liệu	19.40 - 46.00	22.8	-15.3%
5	DDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.50 - 3.20	0.6	-14.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
53.9%	76.0	25.40 - 77.50	Bất động sản	THD
43.8%	42.5	27.10 - 44.20	Hàng cá nhân & Gia dụng	TET
15.8%	4.5	3.60 - 8.50	Bất động sản	IDJ
15.5%	6.7	5.60 - 14.20	Dịch vụ tài chính	APS
12.0%	8.6	7.00 - 12.60	Dịch vụ tài chính	TVC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HMD	Hóa chất	10.10 - 29.20	12.5	-39.5%
2	SNC	Thực phẩm và đồ uống	16.00 - 28.70	16.0	-38.5%
3	VBT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.00 - 18.40	7.5	-36.9%
4	VXT	Tiêu dùng không thiết yếu	10.00 - 67.90	49.1	-27.6%
5	TSD	Du lịch và Giải trí	2.90 - 6.30	3.5	-26.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
40.0%	7.0	3.00 - 7.00	Du lịch và Giải trí	ONW
36.4%	16.5	10.30 - 18.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HNB
23.8%	12.5	10.10 - 29.20	Hóa chất	HMD
21.4%	3.4	1.60 - 4.20	Bất động sản	EFI
20.1%	16.1	8.30 - 19.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	KIP

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	351.5	296.3	15.0	3.65 - 5.73	7.3
2	MSB	MSB Bank	Ngân hàng	314,488.6	211.6	14.4	9.58 - 15.63	3.6
3	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	36,636.2	210.7	22.8	17.60 - 29.45	-1.9
4	OCB	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	31,698.5	156.0	11.1	9.72 - 15.40	-1.3
5	BID	BIDV	Ngân hàng	603,357.0	151.4	43.0	35.00 - 56.60	0.1
6	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,044.2	146.4	57.4	51.10 - 63.80	0.7
7	VIX	Chứng khoán VIX	Dịch vụ tài chính	1,145,195.0	144.6	18.6	10.26 - 34.16	-1.1
8	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,564.6	135.2	76.2	65.60 - 88.00	0.3
9	CTD	Xây dựng Coteccons	Xây dựng và Vật liệu	219,201.8	131.0	73.8	66.38 - 93.88	-3.7
10	TNH	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	Y tế	2,054.6	116.6	9.8	9.67 - 15.61	-2.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

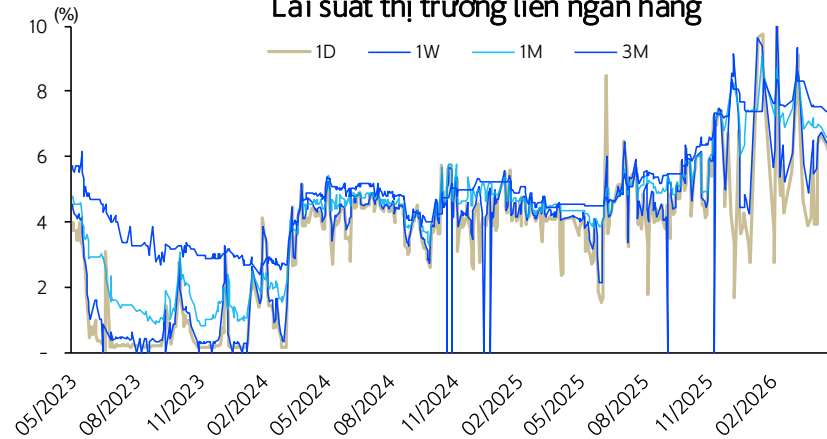
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.29	0.0	0.7	1.5	1.0	
VND/USD	26,367	0.1	0.1	1.1	0.3	
KRW/USD	1,519.30	1.4	2.8	5.3	5.5	
JPY/USD	159.14	0.3	-0.2	2.9	1.6	
EUR/USD	0.86	0.2	0.9	1.6	1.3	
SGD/USD	1.28	0.0	0.4	1.1	-0.4	
CNY/USD	6.80	-0.2	-0.5	-1.6	-2.7	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	98.92	-6.2	6.4	49.0	72.3	
Xăng	346.26	-6.5	3.1	73.4	103.0	
Gas	3.00	1.4	10.2	-1.5	-18.6	
Than	132.05	1.3	-0.6	13.6	22.8	
Vàng	4,517.39	-0.5	-4.7	-13.6	4.6	
Bạc	75.68	-0.4	-2.6	-14.2	5.6	
Platinum	1,938.15	-2.2	-6.8	-10.1	-5.9	
Quặng sắt	109.79	-1.2	2.6	10.5	2.5	
Thép cán	3,413.00	-1.8	1.7	4.9	4.4	
Lúa mì	649.25	2.1	8.3	13.2	28.1	
Ngô	465.00	2.0	2.4	8.8	5.6	

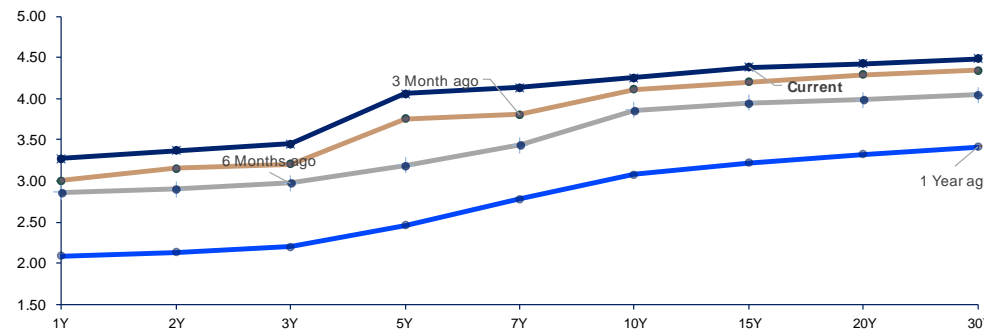
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.27	3.37	3.45	4.06	4.13	4.25	4.38	4.20	3.95
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	1.10	0.10	1.30	2.70	2.10	2.10

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.